|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II -NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: KHTN – Lớp 8**  **Thời gian: 90 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**A. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa kì 2 khi kết thúc nội dung: Từ tuần 19 đến tuần 25*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 13 câu, thông hiểu: 3 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

+ Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 0,75 điểm; Thông hiểu: 2,25 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 2:

* Hóa: 2,5đ: *(Nhận biết: 1,0 điểm, Thông hiểu: 0,75 điểm, Vận dụng: 0,5 điểm, VDC : 0,25 điểm)*
* Sinh: 2,5đ : (*Nhận biết: 1,0 điểm, Thông hiểu: 0,75, Vận dụng: 0,5 điểm, VDC : 0,25 điểm)*
* Lý: 5,0 đ: *(Nhận biết: 2,0 điểm, Thông hiểu: 1,5 điểm, VD: 1.0 điểm, VDC: 0,5 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự**  **luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1. Một số hợp chất thông dụng (7 tiết) |  | 4 | **1**  **(0,75)** |  | **1**  **(0,5)** |  | **1**  **(0,25)** |  | **3** | **4** | **2.5đ** |
| 2. Tác dụng làm quay của lực ( 2 tiết) |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | **2** | **0.5đ** |
| 3. Điện (11 tiết) | **1/2**  **(0.5)** | 6 | **1**  **(1.0)** |  | **1/2**  **(1.0)** |  | **1**  **(0.5)** |  | **3** | **6** | **4.5đ** |
| 4. Sinh học cơ thể người (8 tiết) | **1/2**  **(0.25)** | 3 | **1/2**  **(0.5)** | 1 | **1**  **(0.5)** |  | **1**  **(0.25)** |  | **3** | **4** | **2.5đ** |
| **Số câu TN/Số ý TL** | **1** | **13** | **5/2** | **3** | **5/2** | **0** | **3** | **0** | **9** | **16** |  |
| **Số điểm** | **0,75** | **3,25** | **2,25** | **0,75** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) | TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) |
| **1.Một số hợp chất thông dụng (6 tiết)** | | | | | | |
| Base. Thang BH (3 tiết) | **Nhận biết** | - Dung dịch base làm đổi màu các chất chỉ thị như quỳ tím, phenolphtalein.  - Nêu được thang PH, sử dụng PH để đánh giá độ axit- base của dung dịch |  | 2 |  | C2,  C4 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được các thí nghiệm tính chất hóa học của base.  - Sử dụng bảng tính tan để phân biệt hydroxide thuộc loại kiềm hoặc base không tan.  - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả..) |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Liên hệ được pH trong dạ dày, máu, trong nước mưa, đất.  - Vận dụng tính chất của base vào trong thực tiễn. | 1 |  | C17 |  |
| Oxide (4 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một số nguyên tố khác. |  | 2 |  | C1,  C3 |
| **Thông hiểu** | - Viết được phương trình hóa học tạo oxide từ kim loại/ phi kim với oxygen.  - Phân loại và đọc tên được các Oxide theo khả năng phản ứng với acid/ base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).  - Tiến hành thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim, phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng | 1 |  | C18 |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng tính chất của oxide vào trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Xác định oxide dựa vào phần trăm khối lượng | 1 |  |  | C7 |
| **2. Tác dụng làm quay của lực (2 tiết)** | | | | | | |
| Đòn bẩy và ứng dụng (2 tiết) | **Nhận biết:** | - Mô tả được cấu tạo của đòn bẩy |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được khi sử dụng đòn bẩy sẽ làm thay đổi lực tác dụng lên vật. |  | 2 |  | C7,  C8 |
| **Vận dụng** | - Xác định được lực tác dụng khi biết cánh tay đòn. |  |  |  |  |
| **3. Điện (11 tiết)** | | | | | | |
| Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát ( 2 tiết) | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện.  - Cách làm cho một vật bị nhiễm điện |  | 2 |  | C11, C12 |
| **Thông hiểu:** | - Mô tả cách làm một vật bị nhiễm điện.  - Chỉ ra được vật nhiễm điện chỉ có thể nhiễm một trong hai loại điện tích. | 1 |  | C20 |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng phản ứng liên kết ion để giải thích cơ chế vật nhiễm điện. |  |  |  |  |
| Dòng điện, nguồn điện (2 tiết) | **Nhận biết** | - Nhận biết được kí hiệu nguồn điện. Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.  - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện.  - Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế. |  | 2 |  | C9, C10 |
| **Thông hiểu:** | - Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích. |  |  |  |  |
| Mạch điện đơn giản (1 tiết) | **Nhận biết** | - Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.  - Kể tên một số vật liệu dẫn điện và không dẫn điện | 1 | 1 | C21a | C11 |
| **Thông hiểu:** | - Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vẽ được sơ đồ mạch điện. | 1 |  | C21b |  |
| Tác dụng của dòng điện (2 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được các tác dụng của dòng điện |  | 1 |  | C5 |
| **Thông hiểu:** | - Giải thích được các tác dụng của dòng điện |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả). |  |  |  |  |
| Cường độ dòng điện và hiệu điện thế (2 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được đơn vị cường độ dòng điện.  - Nhận biết được ampe kế, kí hiệu ampe kế trên hình vẽ.  - Nêu được đơn vị đo hiệu điện thế.  - Nhận biết được vôn kế, kí hiệu vôn kế trên hình vẽ.  - Nhận biết được điện trở (biến trở) kí hiệu của điện trở (biến |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu:** | - Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), ampe kế.  - Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), vôn kế. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đổi được các đơn vị của cường độ dòng điện và hiệu điện thế. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Giải thích được sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế. | 1 |  | C22 |  |
| Thực hành đo dòng điện và hiệu điện thế (1 tiết) | **Nhận biết** | - Nhận biết được ký hiệu ampe kế, dụng cụ đo, ký hiệu vô kế. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Mắc được mạch điện đơn giản khi cho trước các thiết bị. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được cường độ dòng điện chạy qua một điện trở, hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc hai điện trở mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: I = U/R)  - Xác định được hiệu điện thế trên hai đầu đoạn mạch có hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định giá trị bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: I = U/R). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng công thức định luật Ôm để giải phương trình bậc nhất một ẩn số với đoạn mạch mắc hỗn hợp gồm 2 điện trở mắc song song và mắc nối tiếp với điện trở thứ ba {(R1 //R2)nt R3}. |  |  |  |  |
| **4. Sinh học cơ thể người ( 8 tiết)** | | | | | | |
| Hệ thần kinh và giác quan ở người (1 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của cơ quan thính giác. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được một số bệnh về thính giác và cách phòng chống các bệnh đó.  - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh ở tai. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.  - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. | 1 |  | C23 |  |
| Hệ nội tiết ở người (2 tiết) | **Nhận biết** | - Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.  - Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...). |  | 2 |  | C14,C15 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ..). |  |  |  |  |
| Da và điều hoà thân nhiệt ( 2 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da.  - Nêu được khái niệm thân nhiệt và ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.  - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người, vai trò của hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.  - Nêu được một số biện pháp chống nóng, lạnh, cảm nóng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ làm đẹp da an toàn.  - Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể |  | 1 |  | C13 |
| **Vận dụng** | - Thực hành cách đo thân nhiệt |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Một số thành tựu ghép da trong y học, các bệnh về da trong trường học hoặc khu dân cư.  - Thực hiện được các tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc cảm lạnh. | 1 |  | C24 |  |
| **Sinh sản ở người**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ sinh dục.  - Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.  - Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).  - Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. | 1 ý | 1 | C25a | C16 |
| **Thông hiểu** | -Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.  - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.  - Nêu được cách phòng tránh thai.  - Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.  - Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). | 1 ý |  | C25b |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | -Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). |  |  |  |  |

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Mỗi câu đúng 0,25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **B** | **A** | **B** | **C** | **B** | **C** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **B** | **A** |

**II. TỰ LUẬN : (6 điểm )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17:**  **(0.5đ)** | *\*Giải thích:* Nước vôi trong tác dụng với khí carbon dioxide có trong không khí tạo thành calcium carbonate không tan trong nước, do đó khi để lâu trong không khí thì bề mặt dung dịch nước vôi trong sẽ có một lớp váng màu trắng.  Ca(OH)2 + CO2 → CaCO3 + H2O. | 0,25  0,25 |
| **Câu 18:**  **(0.75đ)** | a. 4Al + 3O2 🡪 2Al2O3  b. 4P + 5O2 🡪 2P2O5  c. 2NaOH + CO2 🡪 Na2CO3 + H2O | 0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 19:**  **(0.25đ)** | Oxide của R có dạng R2O3  70 = R.2.100/(R.2+16.3) 🡪 R = 56 🡪 oxide là Fe2O3 | 0,25 |
| **Câu 20:**  **(0.75đ)** | - Khi hoạt động, cánh quạt quay nên cọ xát với không khí nên cánh quạt *bị nhiễm điện* => hút những hạt bụi nhỏ trong không khí ở gần nó.  - Mép cánh quạt là nơi cọ xát mạnh nhất với không khí => bị nhiễm điện mạnh hơn => nên hút bụi nhiều hơn. 0,25 đ | 0.75đ  0.25đ |
| **Câu 21**  **(1.5đ)** | a. Chiều dòng điện là chiều từ cực dương của nguồn điện qua dây dẫn tới các thiết bị điện điện rồi đến cực âm của nguồn điện.  b. Vẽ đúng sơ đồ mạch điện theo yêu cầu. | 0.5  1.0 |
| **Câu 22**  **(0.5đ)** | **.** a/ I1 < I2  Vì nguồn điện có hiệu điện thế càng lớn thì khả năng sản ra dòng điện có cường độ càng lớn.   * b/ 6V | 0.25  0.25 |
| **Câu 23**  **(0.5đ)** | - Cách phòng chống bệnh ù tai:  + Hạn chế tiếp xúc với âm thanh có cường độ cao và liên tục  + Thực hiện vệ sinh tai đúng cách, tránh các vật nhọn, sắc để ngoáy hay lấy ráy tai  + Tập thể dục thường xuyên, ăn uống đúng cách để giữ cho mạch máu luôn khoẻ mạnh nhằm ngăn ngừa chứng ù tai liên quan đến rối loạn mạch máu | 0.1đ  0.2đ  0.2đ |
| **Câu 24**  **(0.25đ)** | - Một số thành tựu ghép da trong y học:  + Ngày 16/05/1965, viện Quân y 103 đã thành công khi dùng da ếch ghép lên một diện bỏng sâu 10% ở một người phụ nữ.  + Bệnh viện Bỏng Quốc gia đã nghiên cứu, xử lí và sử dụng da ếch tươi, da ếch đông khô tiệt trùng bằng tia Gamma hoặc sử dụng trung bì da heo tươi, da heo đông khô ở độ lạnh sâu để ghép da, điều trị vết bỏng cho người bệnh.  + Gần đây, công nghệ nhân nuôi tế bào sợi được chuyển giao từ Nga và Singapore giúp Bệnh viện Bỏng Quốc gia thành công trong việc cấy nguyên bào sợi trong nghiên cứu và điều trị bỏng.  *\*Lưu ý: HS nêu được ít nhất 2 thành tựu ghép da trong y học được 0.25 điểm* | 0.25đ |
| **Câu 25**  **(0.75đ)** | a. Một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục: bệnh giang mai, bệnh lậu, hội chứng AIDS,...  b. Một số biện pháp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục:   * Nhận thức đúng đắn về bệnh tình dục, Quan hệ tình dục an toàn * Sống lành mạnh, 1 vợ 1 chồng. * Vệ sinh cá nhân và cơ quan sinh dục đúng cách; sinh hoạt điều độ; tập thể dục thường xuyên để nâng cao sức đề kháng của cơ thể. * Không sử dụng ma túy. * Tiêm vaccine phòng bệnh. * Khám sức khỏe và khám phụ khoa định kì. Đến ngay các cơ sở y tế khi có dấu hiệu bất thường ở cơ quan sinh dục hoặc có nguy cơ mắc bệnh.   \*Lưu ý:  + HS nêu được 3 – 4 biện pháp được 0.25 điểm  + HS nêu được 5 biện pháp trở lên được 0.5 điểm | 0.25  0,25  0.25 |